

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TĂNG VĂN HOÀNG*

Tóm tắt: Bài viết đưa ra một số vấn đề lý luận về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự và những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện quyền bào chữa theo quy định pháp luật tố tụng hình sự. Từ đó, tác giả đưa ra những kiến nghị nhằm bảo đảm quyền bào chữa theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Từ khóa: Quyền bào chữa, người bị buộc tội, tố tụng hình sự

Ngày nhận bài: 03/7/2023; Biên tập xong: 15/7/2023; Duyệt đăng: 15/7/2023

ENSURING THE IMPLEMENT OF RIGHT TO DEFENSE OF THE ACCUSED IN CRIMINAL PROCEEDINGS

Abstract: The article presents a number of theoretical issues about the right to defense in criminal proceedings; obstacles and limitations in implementing this right under provisions of the criminal procedure law. Thereby, the authors make recommendations to ensure right to defense in criminal proceedings.

Keywords: Right of defense, the accused, criminal proceedings

Received: Jul 03rd, 2023; **Editing completed:** Jul 15th, 2023; **Accepted for publication:** Jul 15th, 2023

Để đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết đã chỉ ra những quan điểm chỉ đạo nhằm xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Trong số các quyền con người, quyền công dân thì quyền bào chữa là một trong các quyền cơ bản và quan trọng nhất của quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự. Việc bảo đảm quyền bào chữa nhằm hướng đến sự công bằng, công lý, thượng tôn pháp luật và tôn trọng quyền của mỗi con người trong hoạt động tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình tiến hành tố tụng, tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng mà các

cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có nghĩa vụ bảo đảm việc thực hiện tốt nhất quyền bào chữa của người bị buộc tội.

1. Một số vấn đề lý luận về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự

Bào chữa trong tố tụng hình sự có thể được nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau như: Bào chữa là một chức năng của tố tụng hình sự, bào chữa là một nguyên tắc của tố tụng hình sự, bào chữa là quyền của người bị buộc tội, bào chữa là một chế định trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, dưới góc độ quyền thì quyền bào chữa trong tố tụng hình sự có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, về khái niệm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự: Hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau giữa các nhà khoa học pháp lý và các cán bộ làm công tác thực tiễn pháp luật.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: “Quyền bào chữa là tổng hòa các hành vi

* Email: Hoangtv@yukisepre24.vn

Thạc sĩ, Giám đốc công ty TNHH H&N Legal

tổ tụng hướng tới việc bãi bỏ sự buộc tội và xác định bị can không có lỗi hoặc làm giảm trách nhiệm hình sự của họ"¹. Tuy nhiên, chủ thể có quyền bào chữa trong quan điểm này bị thu hẹp chỉ là bị can, nếu tiếp cận trên quan điểm này nghĩa là quyền bào chữa chỉ bắt đầu khi có quyết định khởi tố vụ án (bị can).

Quan điểm thứ hai cho rằng: "Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án hình sự"². Theo tác giả, cách hiểu như vậy là quá rộng, vì bản thân người bị kết án là người đã có bản án có hiệu lực của Tòa án kết luận là có tội và phải chịu hình phạt theo quy định. Nếu nói rằng họ có quyền bào chữa thì vô hình chung đã làm mất hiệu lực của bản án và như vậy, quá trình tố tụng hình sự sẽ không có điểm dừng.

Quan điểm thứ ba cho rằng: "Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là tổng thể các quyền mà pháp luật quy định bị can, bị cáo có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm cho họ"³. Tuy nhiên, cũng như quan điểm thứ nhất, quan điểm này đã bó hẹp chủ thể được có quyền bào chữa chỉ là bị can, bị cáo.

Từ các quan điểm nêu trên, tác giả đồng tình với nội hàm của các khái niệm về quyền bào chữa đó, tuy nhiên cần xác định đúng chủ thể có quyền bào chữa trong các quan điểm này. Vì vậy, tác giả đưa ra cách tiếp cận về khái niệm của quyền bào chữa như sau: "*Quyền bào chữa*

trong tố tụng hình sự là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án hình sự".

Thứ hai, nội dung của quyền bào chữa: Là việc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội và làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội. Đây là việc người bị buộc tội và người bào chữa sử dụng các quyền luật định để làm sáng tỏ những tình tiết chứng minh cho sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như những tình tiết khác có lợi cho người bị buộc tội. Đó có thể là hành vi tố tụng hướng tới việc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng; hoặc nhằm đưa ra chứng cứ làm giảm nhẹ trách nhiệm của người bị buộc tội; hoặc các hành vi tố tụng nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ của người bị buộc tội kể cả khi chúng không trực tiếp liên quan tới việc làm giảm trách nhiệm hình sự trong vụ án.

Thứ ba, các hình thức thực hiện quyền bào chữa: Hình thức là sự biểu hiện bên ngoài của nội dung, hình thức có mối quan hệ chặt chẽ với nội dung. Do đó, bên bào chữa có thể thực hiện chức năng bào chữa thông qua các hình thức nhất định sau đây:

Một là, đưa ra chứng cứ, đồ vật, tài liệu. Để bảo đảm sự bình đẳng trong tranh tụng giữa hai bên buộc tội và bên bị buộc tội, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 cũng quy định cho người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ. Chứng cứ có thể thu thập thông qua các hình thức hỏi, nghe người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, những người khác biết về vụ án trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa. Ngoài cơ quan có thẩm quyền

¹ Xtrogovich M.S (1968), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Xô Viết*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, Tập 1, tr. 196.

² Phạm Hồng Hải (1998), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.29-30.

³ Hoàng Thị Sơn (1998), Các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử tố tụng hình sự, *Tạp chí Luật học* số 02, tr.18.

tiến hành tố tụng thì người bào chữa là chủ thể duy nhất có quyền thu thập chứng cứ, người bị buộc tội chỉ có quyền đưa ra đồ vật, tài liệu. Do đó, hình thức thực hiện chức năng bào chữa này chủ yếu do người bào chữa sử dụng. Người bào chữa có thể thu thập và đưa ra các chứng cứ gỡ tội để làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội.

Hai là, đưa ra yêu cầu, đề nghị. Pháp luật tố tụng hình sự quy định cho các bên tham gia tố tụng có quyền đưa ra các yêu cầu, đề nghị nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hình thức thực hiện chức năng bào chữa này, người bị buộc tội và người bào chữa của họ đều có thể sử dụng. Người bị buộc tội và người bào chữa có thể yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng; người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đề nghị tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS, đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá tài sản...

Ba là, đưa ra quan điểm về đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Để bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên trong quan hệ tố tụng cũng như giúp toà án đưa ra phán quyết được khách quan, toàn diện và thận trọng hơn, BLTTHS cho phép bên bào chữa được quyền đưa ra quan điểm về đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Các bên tham gia tố tụng đều có cách nhìn nhận, đánh giá của mình về kết quả chứng minh do đó, để thực hiện chức năng tố tụng cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bên bào chữa phải công khai đưa ra ý kiến đánh giá của mình về sự thật khách quan của vụ án.

Ngoài ra, các hình thức thực hiện bào chữa còn được tiếp cận theo chủ thể thực hiện quyền bào chữa theo quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015: “Người bị

buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa”. Đó là việc người bị buộc tội thực hiện hình thức bào chữa bằng cách tự mình bào chữa hoặc nhờ người bào chữa.

Thứ tư, phạm vi của quyền bào chữa: Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự hình thành từ khi có sự buộc tội. Khi trong tố tụng hình sự xuất hiện sự buộc tội thì dẫn đến nhu cầu phải có sự bào chữa để đảm bảo vụ án phải được nhìn nhận, đánh giá theo nhiều chiều hướng khác nhau, nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Sự buộc tội bắt đầu khi có người bị buộc tội, nghĩa là khi có sự cáo buộc đối với một cá nhân, pháp nhân cụ thể, thường là khi khởi tố bị can⁴. Tuy nhiên theo tác giả, quyền bào chữa phải được xuất hiện sớm hơn từ khi một người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang bởi vì khi có căn cứ (buộc tội) cho rằng một người nào đó vi phạm pháp luật thì mới tiến hành bắt giữ nên trong trường hợp này người bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang phải có quyền bào chữa để hạn chế sự bắt, giữ họ. Vì vậy, quyền bào chữa xuất hiện từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người, tạm giam, tạm giữ hay khi có quyết định khởi tố bị can và kết thúc khi vụ án được đưa ra xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật. Trong một số trường hợp, vụ án bị đình chỉ khi không có căn cứ buộc tội thì chức năng bào chữa sẽ kết thúc sớm.

2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện quyền bào chữa theo quy định pháp luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, về quy định lập biên bản việc các cơ quan có thẩm quyền giải thích các quy định về quyền bào chữa

⁴ Trần Thị Thu Hiền (2023), *Khái niệm, đặc điểm và các hình thức thực hiện chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự*, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp khoa “Chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2023, tr.9.

cho người bị buộc tội. Theo nguyên tắc, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải có trách nhiệm giải thích đầy đủ các quy định về quyền bào chữa cho người bị buộc tội theo quy định của BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy, người bị buộc tội không được biết hay cố tình không biết về quyền bào chữa, không dùng lập luận, dẫn chứng để bảo vệ mình, không nhờ người bào chữa để bảo vệ quyền lợi của mình.

Thứ hai, về quy định từ chối người bào chữa chỉ định. Theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 78 BLTTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bào chữa khi “người bị buộc tội thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa từ chối người bào chữa”. Theo chúng tôi, quy định này chưa phù hợp. Nguyên nhân là do để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các trường hợp chỉ định người bào chữa như người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi (điểm b khoản 1 Điều 76) thì cơ quan tiến hành tố tụng vẫn cho người bào chữa tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho họ vì những đối tượng trên đã bị hạn chế về thể chất, tâm thần nên có thể không nhận thức rõ được tầm quan trọng của quyền bào chữa và người bào chữa cho họ.

Thứ ba, về quy định tại Điều 291 BLTTHS năm 2015 về việc tham gia tố tụng của người bào chữa tại phiên tòa. Việc người bào chữa tham gia bào chữa cho người mình nhận bào chữa tại phiên tòa là nghĩa vụ. Tuy nhiên, thực tế nhiều trường hợp người bào chữa vắng mặt không tham gia phiên tòa do những lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, nhưng để vừa bảo đảm thời hạn xét xử, vừa đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo, cần phải cân nhắc để quyết định việc xét xử vắng mặt người bào chữa cho hợp lý. Dựa trên vai trò của người bào chữa đối với người bị buộc tội, nên quy định người

bào chữa phải gửi bản bào chữa trước cho Tòa án trong trường hợp họ vắng mặt để phiên tòa được xét xử theo đúng thời hạn, đồng thời bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo. Do khoản 1 Điều 291 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định “người bào chữa có thể gửi trước bản bào chữa cho Tòa án” nên có trường hợp người bào chữa gửi trước bản bào chữa, có trường hợp người bào chữa không gửi, dẫn đến khi phiên tòa diễn ra người bị buộc tội không được người bào chữa nhận bào chữa cho mình trình bày lời bào chữa, phản biện lại lời luận tội từ phía đại diện Viện kiểm sát. Điều này dẫn tới quyền bào chữa của bị cáo chưa được đảm bảo khi bị cáo có người bào chữa mà không thể tham gia phiên tòa.

Thứ tư, về thời gian chuyển đơn yêu cầu người bào chữa tại khoản 2 và 3 Điều 75 BLTTHS năm 2015. Theo quy định trên, thời hạn 12 giờ hay 24 giờ đối với những khu vực đô thị thì việc chuyển đơn cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ được thực hiện không mấy khó khăn. Tuy nhiên, đối với những huyện miền núi, hải đảo thì thời hạn trên khó có thể thực hiện được. Ngoài ra, theo quy định của điều luật trên trong trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa trong thời hạn 12 hoặc 24 giờ. Điều này cũng khó thực hiện trong thực tế (ví dụ ở những vùng sâu, vùng xa, hải đảo...).

Thứ năm, về vấn đề chỉ định người bào chữa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhưng đến giai đoạn xét xử đã trên 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017: “Trường hợp vụ việc trợ giúp pháp lý đang được thực hiện mà người được trợ giúp pháp lý không còn đáp ứng quy định tại Điều 7 của Luật này thì vụ việc được tiếp tục thực

hiện cho đến khi kết thúc”. Tuy nhiên, trong Luật Luật sư năm 2015 cũng chưa quy định cụ thể vấn đề này. Hay tại thời điểm phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội dưới 18 tuổi sau đó, người này bỏ trốn, đến khi bị bắt thì người này đã trên 18 tuổi thì thực hiện quyền bào chữa trong trường hợp này như thế nào? Trong những trường hợp này cần có người bào chữa chỉ định tại phiên tòa hay không? Hiện nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Thứ sáu, về cơ chế bảo đảm thu thập chứng cứ của người bào chữa. Khoản 3 Điều 81 BLTTHS năm 2015 quy định: Trường hợp không thể thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật thì người bào chữa có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu thập. Đây là một trong những quy định tiến bộ của BLTTHS, tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc quy định như hiện nay thì việc này khó có thể được bảo đảm bởi nó phụ thuộc nhiều vào mặt chủ quan từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần quy định rõ hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan đó đối với yêu cầu thu thập chứng cứ, tài liệu của người bào chữa

3. Những kiến nghị nhằm bảo đảm quyền bào chữa theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

3.1. Các kiến nghị về lập pháp

Trong thực tiễn áp dụng tại các giai đoạn tố tụng còn những quy định có điểm bất cập, chưa hợp lý và thiếu văn bản hướng dẫn thi hành nên không thể tránh khỏi sự hạn chế nhất định trong việc áp dụng pháp luật bảo đảm quyền bào chữa. Do đó, BLTTHS cần sửa đổi, bổ sung theo hướng có những quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Thứ nhất, bổ sung quy định lập biên bản về việc các cơ quan có thẩm quyền giải thích các quy định về quyền bào chữa cho người bị buộc tội. Để tăng tính minh bạch và hoạt động này được thực

hiện nghiêm chỉnh, trong các giai đoạn tố tụng cần có quy định về việc lập biên bản giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội, trong đó có quyền bào chữa, người bị buộc tội ký xác nhận là đã được giải thích các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo quyền bào chữa cho người bị buộc tội cũng như bảo đảm thời hạn xét xử theo luật định, các biên bản này phải được lưu tại hồ sơ vụ án như quy định bắt buộc.

Thứ hai, bổ sung quy định về từ chối người bào chữa chỉ định. Cần bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 78 BLTTHS năm 2015 theo hướng nếu bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015 và người đại diện của họ vẫn giữ nguyên ý kiến từ chối người bào chữa thì phải ghi vào biên bản phiên tòa và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung mà không có sự tham gia của người bào chữa được cử. Nếu chỉ có bị cáo từ chối người bào chữa còn người đại diện của bị cáo không từ chối người bào chữa hoặc ngược lại, chỉ có người đại diện của bị cáo từ chối người bào chữa, còn bị cáo không từ chối người bào chữa thì tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, có sự tham gia của người bào chữa đã được cử.

Thứ ba, cần nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 291 BLTTHS năm 2015 về việc tham gia tố tụng của người bào chữa tại phiên tòa. Theo tác giả, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 291 BLTTHS để bảo đảm có sự bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa. Đồng thời, cũng để đồng nhất với giải pháp thứ hai ở trên khi không có mặt người bào chữa chỉ định đối với bị cáo thuộc trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 76 BLTTHS. Do đó, tác giả đề xuất sửa đổi Điều 291 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa

1. Người bào chữa phải có mặt tại phiên tòa để bào chữa cho người mà mình đã nhận bào chữa. *Người bào chữa phải gửi trước bản bào chữa cho Tòa án án trước khi*

mở phiên tòa xét xử trong trường hợp vắng mặt. Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử.

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. *Nếu bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Tòa án được quyền xét xử khi bị cáo và người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.*

Thứ tư, mở rộng thời gian chuyển đơn yêu cầu người bào chữa. Theo tác giả, cần quy định về thời hạn đặc thù (dài hơn 12 giờ đối với trường hợp bị bắt, bị tạm giữ, 24 giờ đối với người bị tạm giam) trong việc chuyển đơn cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của đối tượng đối với các địa phương có sự bất lợi về điều kiện tự nhiên (vùng cao, miền núi, hải đảo) và phải được dự liệu, cụ thể hóa trong văn bản hướng dẫn.

Thứ năm, về vấn đề chỉ định người bào chữa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhưng đến giai đoạn xét xử đã trên 18 tuổi. Pháp luật cần có những quy định chi tiết về các trường hợp chỉ định người bào chữa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhưng đến giai đoạn điều tra, truy tố xét xử đã trên 18 tuổi. Theo tác giả, để đảm bảo tốt nhất quyền được bào chữa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nên xác định rõ thời điểm làm căn cứ xác định dưới 18 tuổi là thời điểm phạm tội và được áp dụng đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ sáu, về cơ chế bảo đảm thu thập

chứng cứ của người bào chữa. Pháp luật cần có cơ chế bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ, tài liệu của người bào chữa. Cơ quan có thẩm quyền phải có nghĩa vụ thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật theo yêu cầu của người bào chữa. Trong trường hợp không thể thu thập hoặc không thực hiện cần trả lời bằng văn bản và nêu lý do của việc không thực hiện đó.

3.2. Các kiến nghị khác

Thứ bảy, tăng cường các cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả của các quy định về bảo đảm quyền bào chữa; có cơ chế xử lý nghiêm các vi phạm về bảo đảm quyền bào chữa; qua đó, góp phần giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm.

Thứ tám, thù lao cho người thực hiện bào chữa chỉ định nói chung và người bào chữa chỉ định đối với người bị buộc tội ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, hải đảo nói riêng cần được nâng lên mức hợp lý, nhằm động viên khuyến khích người bào chữa thực hiện hết trách nhiệm và quyền mà BLTTHS năm 2015 cho phép để bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Ngọc Hà (2019), *Chức năng bào chữa trong hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Tăng Văn Hoàng (2021), *Những điểm mới về quyền bào chữa của người bị buộc tội theo Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015*, <https://lsvn.vn/nhung-diem-moi-ve-quyen-bao-chua-cua-nguoi-bi-buoc-toi-theo-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-20151637085951.html>, truy cập ngày 04/02/2023.
3. Võ Văn Hoàng (2021), *Bảo đảm quyền bào chữa đối với người bị buộc tội trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, <https://tapchitoaan.vn/bao-dam-quyen-bao-chua-doi-voi-nguoi-bi-buoc-toi-trong-to-tung-hinh-su5532.html>, truy cập ngày 10/04/2023.